

Số: 344/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này quy định chi tiết nguồn thu, nhiệm vụ chi; quy trình quản lý ngân sách xã, phường, thị trấn (dưới đây gọi chung là xã) và tổ chức quản lý các hoạt động tài chính khác của xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã.

Điều 3. Phạm vi thu, chi ngân sách xã

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giao chính quyền cấp xã quản lý, bao gồm: Thu từ thuế, phí, lệ phí; các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; thu viện trợ không hoàn lại của các

tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã.

2. Thu ngân sách xã được hưởng bao gồm các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho ngân sách xã và các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên nguyên tắc tự nguyện để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý:

a) Thu ngân sách xã gồm các khoản thu phân cấp cho ngân sách xã hưởng 100%, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách xã với ngân sách cấp trên, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

b) Đối với khoản thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác, xã không được đấu thầu thu khoán một lần cho nhiều năm làm ảnh hưởng đến việc cân đối ngân sách xã các năm sau; trường hợp thật cần thiết phải thu một lần cho một số năm, thì chỉ được thu trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân xã, không được thu trước thời gian của nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân khoá sau, trừ trường hợp thu đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Chi ngân sách xã, bao gồm chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh của Nhà nước, chi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội; chi hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thành lập theo quy định khi các tổ chức này được Nhà nước giao nhiệm vụ; chi phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách xã quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách xã

1. Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước và chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước của xã; đồng thời phải phù hợp với đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của chính quyền cấp xã.

2. Phù hợp với việc phân cấp nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; phân cấp nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi chung là huyện).

3. Đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trường hợp có phân cấp cho xã thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách xã không vượt tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Quốc hội quyết định. Riêng đối với các loại thuế, lệ phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Luật ngân sách nhà nước, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách xã do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Khi phân cấp nguồn thu cho ngân sách xã phải căn cứ vào nhiệm vụ chi, khả năng thu ngân sách trên địa bàn; phân cấp tối đa nguồn thu tại chỗ, đảm bảo các xã có nguồn thu cân đối với nhiệm vụ chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển trên địa bàn theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, hạn chế yêu cầu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên.

5. Trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương, ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương. Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách xã so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

6. Kết thúc mỗi thời kỳ ổn định ngân sách địa phương, căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xác định lại tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương và số bổ sung cân đối ngân sách (nếu có), trong đó có ngân sách xã.

Điều 5. Nguyên tắc cân đối ngân sách xã

1. Cân đối ngân sách xã phải bảo đảm nguyên tắc chi không vượt quá nguồn thu được hưởng theo quy định; không được đi vay hoặc huy động, chiếm dụng vốn của các tổ chức, cá nhân dưới mọi hình thức để cân đối ngân sách xã.

2. Trường hợp quỹ ngân sách xã thiếu hụt tạm thời, trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tạm ứng từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã và phải hoàn trả trong năm ngân sách. Trường hợp ngân sách cấp huyện không đáp ứng được, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh hoặc tạm ứng ngân sách cấp trên và phải hoàn trả trong năm ngân sách.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý ngân sách xã

1. Ngân sách xã do Ủy ban nhân dân xã xây dựng và quản lý, Hội đồng nhân dân xã quyết định và giám sát.

2. Mọi khoản thu, chi ngân sách xã phải thực hiện quản lý qua Kho bạc Nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

3. Các khoản thu, chi ngân sách xã phải hạch toán kế toán, quyết toán theo mục lục ngân sách nhà nước và chế độ kế toán của Nhà nước.

4. Ngân sách xã phải được công khai theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 7. Nguyên tắc quản lý kinh phí ngân sách của cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho Ủy ban nhân dân xã thực hiện

1. Rút kinh phí, chi tiêu như đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp trên và phải mở sổ sách để theo dõi riêng.

2. Thực hiện quyết toán như đơn vị trực thuộc với cơ quan, đơn vị giao dự toán; không tổng hợp vào quyết toán ngân sách xã.

Điều 8. Hoạt động tài chính khác của xã

1. Hoạt động tài chính khác của xã theo quy định của pháp luật bao gồm các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách xã; tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã, trừ khoản thu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư này; tài chính thôn, bản (các khoản thu, chi từ các khoản đóng góp của nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện do thôn, bản huy động) và một số hoạt động tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân xã tổ chức quản lý thống nhất các hoạt động tài chính có liên quan đến các loại tài sản công của xã, tài sản của Nhà nước và tài sản khác theo chế độ quy định.

3. Xã được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng để gửi các khoản tiền không thuộc phạm vi ngân sách xã.

4. Các khoản thu, chi tài chính khác của xã phải hạch toán kế toán, quyết toán rõ ràng, minh bạch chi tiết từng loại hoạt động.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 Nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách xã

Điều 9. Nguồn thu của ngân sách xã

1. Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100% là các khoản thu dành cho xã sử dụng toàn bộ để chủ động về nguồn ngân sách bảo đảm các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển. Căn cứ nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách xã quy định tại Điều 4 Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phân cấp cho ngân sách xã hưởng 100% các khoản thu sau đây:

- a) Các khoản phí, lệ phí giao cho xã tổ chức thu theo quy định;
- b) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- c) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật;
- d) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện;
- đ) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;
- e) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý;
- g) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã;
- h) Thu kết dư ngân sách xã năm trước;
- i) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang;
- k) Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách xã, thị trấn với ngân sách cấp trên:

- a) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình;
- c) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
- d) Lệ phí trước bạ nhà, đất.

Căn cứ vào khả năng thực tế nguồn thu và nhiệm vụ chi của xã, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) đến tối đa là 100% các khoản thu quy định tại Khoản 2 Điều này cho ngân sách xã.

Ngoài các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Khoản 2 Điều này, ngân sách xã còn có thể được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thêm nguồn thu từ các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%, các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách xã:

a) Thu bổ sung cân đối ngân sách là mức chênh lệch lớn hơn giữa dự toán chi cân đối theo phân cấp và dự toán thu từ các nguồn thu được phân cấp cho ngân sách xã (các khoản thu 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm), được xác định cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã so với năm đầu thời kỳ ổn định;

b) Thu bổ sung có mục tiêu là các khoản thu để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ (như chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình mục tiêu của trung ương; chương trình, nhiệm vụ của địa phương) hoặc chế độ, chính sách mới do cấp trên ban hành nhưng có giao nhiệm vụ cho xã tổ chức thực hiện và dự toán năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách địa phương chưa bố trí.

4. Ngoài các khoản thu quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, chính quyền xã không được đặt ra các khoản thu trái với quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã

Căn cứ phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước, các chính sách, chế độ về hoạt động của các cơ quan Nhà nước, Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã, khi phân cấp nhiệm vụ chi cho ngân sách xã, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét giao cho ngân sách xã thực hiện các nhiệm vụ chi dưới đây:

1. Chi đầu tư phát triển, gồm:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và Luật đầu tư công cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các khoản chi thường xuyên, gồm:

a) Chi quốc phòng: Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

b) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

c) Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã;

d) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ);

đ) Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã;

e) Chi hoạt động văn hoá, thông tin;

g) Chi hoạt động phát thanh, truyền thanh;

h) Chi hoạt động thể dục, thể thao;

i) Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải;

k) Chi các hoạt động kinh tế bao gồm: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định; các hoạt động kinh tế khác;

l) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật:

Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở xã;

Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

Kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật;

m) Chi cho công tác xã hội do xã quản lý: Trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 01 lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do bảo hiểm xã hội chi trả); chi thăm hỏi các gia đình chính sách; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác;

n) Các khoản chi thường xuyên khác ở xã theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ vào chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể định mức chi thường xuyên cho từng công việc phù hợp với tình hình, đặc điểm và khả năng ngân sách địa phương.

Mục 2

Quy trình quản lý ngân sách xã

Điều 11. Lập dự toán ngân sách xã

1. Hằng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã lập dự toán ngân sách năm sau (theo mẫu biểu số 01 đến mẫu biểu số 05 kèm theo Thông tư này) trình Hội đồng nhân dân xã quyết định.

2. Căn cứ lập dự toán ngân sách xã:

a) Các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội của xã;

b) Chính sách, chế độ thu ngân sách nhà nước, cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách xã và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định;

c) Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách địa phương, là định mức phân bổ chi ngân sách do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

d) Số kiểm tra về dự toán ngân sách xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo;

đ) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm hiện hành và năm trước;

e) Báo cáo dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách xã.

3. Trình tự lập, quyết định dự toán ngân sách xã:

a) Bộ phận tài chính, kế toán xã phối hợp với cơ quan thuế hoặc đội thu thuế xã (nếu có) tính toán các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (trong phạm vi phân cấp cho xã quản lý);

b) Các đơn vị, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi lập dự toán chi của đơn vị, tổ chức mình;

c) Bộ phận tài chính, kế toán xã lập dự toán thu, chi và cân đối ngân sách xã trình Ủy ban nhân dân xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến trước khi gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp. Thời gian báo cáo dự toán ngân sách xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

d) Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện làm việc với Ủy ban nhân dân xã về cân đối thu, chi ngân sách xã thời kỳ ổn định mới theo khả năng bố trí cân đối chung của ngân sách địa phương. Đối với các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chỉ tổ chức làm việc với Ủy ban nhân dân xã về dự toán ngân sách khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân xã;

đ) Quyết định dự toán ngân sách xã: Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã hoàn chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được giao quản lý; dự toán thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã báo cáo Ban Kinh tế - Xã hội xã thẩm tra, Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến, trình Hội đồng nhân dân xã quyết định theo thời hạn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Sau khi dự toán ngân sách xã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và cơ quan Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để tổ chức thực hiện;

e) Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện có trách nhiệm thẩm định dự toán ngân sách xã, trường hợp có sai sót phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Hội đồng nhân dân xã điều chỉnh dự toán theo đúng quy định, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước cùng cấp làm căn cứ để thực hiện dự toán theo quy định.

4. Ngân sách xã được bố trí mức dự phòng ngân sách hằng năm tương ứng từ 2% đến 4% tổng dự toán chi để đảm bảo các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã mà chưa được dự toán. Ủy ban nhân dân xã quyết định sử dụng dự

phòng ngân sách xã, kết thúc mỗi quý báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

5. Điều chỉnh dự toán ngân sách xã hằng năm (nếu có) trong các trường hợp có yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên để đảm bảo phù hợp với định hướng chung hoặc có biến động lớn về nguồn thu và nhiệm vụ chi.

Ủy ban nhân dân xã tiến hành lập dự toán điều chỉnh báo cáo Ban Kinh tế-Xã hội xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 12. Chấp hành dự toán ngân sách xã

1. Căn cứ dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã cả năm đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, Ủy ban nhân dân xã quyết định phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách xã theo từng bộ phận (theo mẫu biểu số 06 kèm theo Thông tư này) gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để nhập dự toán và làm căn cứ kiểm soát, thanh toán các khoản chi; đồng thời gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện để báo cáo.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (hoặc người được ủy quyền) là chủ tài khoản thu, chi ngân sách xã.

3. Xã có quỹ tiền mặt tại xã để thanh toán các khoản chi có giá trị nhỏ. Riêng những xã ở xa Kho bạc Nhà nước, điều kiện đi lại khó khăn, chưa thể thực hiện việc nộp trực tiếp, kịp thời các khoản thu của ngân sách xã vào Kho bạc Nhà nước thì cho phép để lại để chủ động chi theo chế độ quy định và trong phạm vi dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định; định kỳ hằng tháng làm thủ tục hạch toán thu, hạch toán chi vào ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

4. Tổ chức thu ngân sách:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo bộ phận tài chính, kế toán xã có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan thuế đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, đơn vị, cá nhân có nghĩa vụ nộp ngân sách, căn cứ vào thông báo thu của cơ quan thu hoặc của Ủy ban nhân dân xã, thực hiện nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản) tại ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước ủy nhiệm thu hoặc phối hợp thu. Đối với các khoản thu ngân sách do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp thu, thì định kỳ phải nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định hoặc làm thủ tục nộp ngân sách theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Việc kê khai, nộp thuế và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý thuế;

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định phải hoàn trả khoản thu ngân sách xã, thì thủ tục và quyết định hoàn trả thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành;

d) Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện như sau:

Đối với các khoản thu ngân sách xã được hưởng 100% hoặc các khoản thu phân chia với ngân sách cấp trên, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch lập Bảng kê các khoản thu ngân sách xã, gửi Ủy ban nhân dân xã theo từng tháng;

Đối với số thu bổ sung từ ngân sách huyện cho ngân sách xã:

Hàng tháng, Ủy ban nhân dân xã chủ động rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để đảm bảo cân đối ngân sách cấp mình; mức rút tối đa hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chi của ngân sách xã, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và đảm bảo tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng thêm tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện xem xét, giải quyết.

Riêng vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán giao đầu năm), căn cứ khả năng nguồn thu và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định việc rút dự toán của ngân sách xã cho phù hợp thực tế ở địa phương.

Căn cứ giấy rút dự toán bổ sung từ ngân sách cấp trên của Ủy ban nhân dân xã (theo mẫu biểu hiện hành); Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm tra các điều kiện: đã có trong dự toán được giao, trong giới hạn rút vốn hàng tháng, sau đó hạch toán chi ngân sách cấp trên, thu ngân sách cấp dưới theo đúng nội dung khoản bổ sung và mục lục ngân sách nhà nước.

5. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách:

a) Khi thực hiện quyết định chi ngân sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc người được ủy quyền quyết định chi phải kiểm tra, bảo đảm khoản chi đáp ứng các điều kiện sau:

Đúng dự toán được giao, trừ trường hợp đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phân bổ dự toán chưa được cấp có thẩm quyền quyết định và các khoản chi từ nguồn tăng thu, nguồn dự phòng ngân sách, kết dư ngân sách năm trước theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

Đối với chi đầu tư phát triển, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng;

Đối với chi thường xuyên phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định;

Chúng từ, hồ sơ thanh toán phải hợp lệ, hợp pháp; đối với các khoản mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị lớn phải thực hiện đấu thầu theo quy định;

b) Các tổ chức, đơn vị thuộc xã:

Lập dự toán sử dụng kinh phí hằng quý (chia ra từng tháng) gửi Ủy ban nhân dân xã. Khi có nhu cầu chi, các đơn vị, tổ chức làm các thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân xã rút tiền tại Kho bạc Nhà nước hoặc quỹ tại xã để thanh toán;

Chấp hành đúng quy định về thanh toán và quyết toán sử dụng kinh phí với Ủy ban nhân dân xã;

c) Bộ phận tài chính, kế toán xã:

Thẩm tra nhu cầu sử dụng kinh phí của các đơn vị, tổ chức;

Bố trí nguồn theo dự toán năm để đáp ứng nhu cầu chi. Trường hợp nhu cầu chi lớn hơn thu tại một thời điểm, thì ưu tiên bố trí kinh phí đảm bảo nhiệm vụ chi lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi an sinh xã hội, trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội đầy đủ, kịp thời. Trường hợp vẫn không đảm bảo nguồn, bộ phận tài chính, kế toán xã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tăng tiến độ cấp bổ sung cân đối hoặc tạm thời sắp xếp lại nhu cầu chi phù hợp với nguồn thu;

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi ngân sách, sử dụng tài sản của các đơn vị sử dụng ngân sách, phát hiện và báo cáo đề xuất kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về những vi phạm chế độ, tiêu chuẩn, định mức để có biện pháp xử lý;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc người được ủy quyền quyết định chi thông qua ký duyệt giấy rút dự toán hoặc lệnh chi tiền (gọi tắt là chứng từ chi) hoặc tạm ứng kinh phí bằng giấy đề nghị tạm ứng theo quy định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình; nếu chi sai phải bồi hoàn cho công quỹ và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Quy trình chi ngân sách xã:

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách xã đã được Hội đồng nhân dân quyết định, tiến độ công việc, bộ phận tài chính, kế toán xã làm thủ tục chi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc người được ủy quyền quyết định gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch và kèm theo các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật. Trên chứng từ chi phải ghi cụ thể, đầy đủ chương, loại, khoản, mục, tiểu mục theo quy định của mục lục ngân sách nhà nước, kèm theo Bảng kê chứng từ chi (theo mẫu biểu số 14 kèm theo Thông tư này), tài liệu chứng minh. Trường hợp thanh toán một lần có nhiều chương, thì lập thêm Bảng kê chi, chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước (theo mẫu biểu số 15 kèm theo Thông tư này), trên Bảng

kê ghi rõ số hiệu, ngày, tháng của chứng từ chi, đồng thời trên chứng từ chi phải ghi rõ số hiệu của Bảng kê, tổng số tiền;

Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt, sử dụng chứng từ chi bằng tiền mặt. Kho bạc Nhà nước kiểm tra, nếu đủ điều kiện thì thực hiện thanh toán cho khách hàng hoặc người được sử dụng;

Trong những trường hợp thật cần thiết, như tạm ứng công tác phí, ứng tiền trước cho khách hàng, cho nhà thầu theo hợp đồng, chuẩn bị hội nghị, tiếp khách, mua sắm nhỏ và các nhiệm vụ cần thiết khác được tạm ứng để chi. Trong trường hợp này, trên chứng từ chi chỉ ghi tổng số tiền cần tạm ứng. Khi thanh toán tạm ứng phải có đủ chứng từ hợp lệ, bộ phận tài chính, kế toán xã phải lập Bảng kê chứng từ chi (theo mẫu biểu số 14 kèm theo Thông tư này) và Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (theo mẫu biểu số 16 kèm theo Thông tư này) gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm thủ tục chuyển tạm ứng sang thực chi ngân sách;

Các khoản thanh toán ngân sách xã cho các đối tượng thụ hưởng phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản (trừ trường hợp được phép chi bằng tiền mặt theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước);

Đối với các khoản chi từ các nguồn thu được giữ lại tại xã, bộ phận tài chính, kế toán xã phối hợp với Kho bạc Nhà nước định kỳ làm thủ tục hạch toán thu, hạch toán chi vào ngân sách xã; khi làm thủ tục hạch toán thu, hạch toán chi phải kèm theo Bảng kê chứng từ thu và Bảng kê chứng từ chi theo đúng chế độ quy định;

e) Chi thường xuyên:

Ưu tiên chi trả tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức xã, chi an sinh xã hội, trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội;

Các khoản chi thường xuyên khác phải căn cứ vào dự toán năm, khối lượng thực hiện công việc, khả năng của ngân sách xã tại thời điểm chi để thực hiện chi cho phù hợp;

g) Chi đầu tư phát triển:

Việc quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách xã phải thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về đầu tư công và phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; việc thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách xã thực hiện theo quy định riêng của Bộ Tài chính;

Đối với dự án đầu tư bằng nguồn đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện, ngoài các quy định chung cần phải bảo đảm: Mở sổ kế toán theo dõi và phản ánh kịp thời mọi khoản đóng góp bằng tiền, ngày công lao động, hiện vật của nhân

dân; trong quá trình thi công, nghiệm thu và thanh toán phải có sự giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo chế độ quy định;

Chi xây dựng cơ bản phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật đầu tư công, xây dựng và các quy định về tài chính theo chế độ quy định; nghiêm cấm việc nợ đọng xây dựng cơ bản, chiếm dụng vốn dưới mọi hình thức.

6. Điều chỉnh dự toán ngân sách xã thực hiện theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật ngân sách nhà nước.

Điều 13. Kế toán và quyết toán ngân sách xã

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức, thực hiện công tác hạch toán kế toán, quyết toán ngân sách xã theo mục lục ngân sách nhà nước và chế độ kế toán ngân sách xã hiện hành; thực hiện chế độ báo cáo kế toán và quyết toán theo quy định. Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện công tác kế toán thu, chi quỹ ngân sách xã theo quy định; định kỳ hằng tháng, quý báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã, tồn quỹ ngân sách xã gửi Ủy ban nhân dân xã theo quy định và báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã.

2. Thời gian chính lý quyết toán ngân sách xã kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau.

3. Để thực hiện công tác khóa sổ và quyết toán hằng năm, Ủy ban nhân dân xã thực hiện các việc sau đây:

a) Ngay trong tháng 12 phải rà soát tất cả các khoản thu, chi theo dự toán, có biện pháp thu đầy đủ các khoản phải thu vào ngân sách và giải quyết kịp thời các nhu cầu chi theo dự toán. Trường hợp có khả năng hụt thu phải chủ động có phương án sắp xếp lại các khoản chi, sử dụng dự phòng và các nguồn tài chính tự có hợp pháp khác để đảm bảo cân đối ngân sách xã;

b) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch đối chiếu tất cả các khoản thu, chi ngân sách xã trong năm, bảo đảm hạch toán đầy đủ, chính xác các khoản thu, chi theo mục lục ngân sách nhà nước, kiểm tra lại số thu được phân chia giữa các cấp ngân sách theo tỷ lệ quy định;

c) Đối với các khoản tạm thu, tạm giữ (nếu có) phải xem xét xử lý hoặc hoàn trả; trường hợp chưa xử lý được, thì phải làm thủ tục chuyển sang năm sau;

d) Các khoản thu, chi phát sinh vào thời điểm cuối năm được thực hiện theo nguyên tắc: Các khoản thu phải nộp chậm nhất trước cuối giờ làm việc ngày 31 tháng 12. Nếu nộp sau thời hạn trên, phải hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Nhiệm vụ chi được bố trí trong dự toán ngân sách năm chỉ được chi trong niên độ ngân sách năm đó; các khoản chi có trong dự toán đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau chưa thực hiện, không được chuyển sang năm sau chi tiếp, trừ một số khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Khoản 1, 2

Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước để thực hiện và hạch toán kế toán, quyết toán vào ngân sách năm sau;

đ) Số dư tài khoản tiền gửi của ngân sách xã đến hết ngày 31 tháng 12 (nếu có) được chuyển sang ngân sách năm sau sử dụng theo chế độ quy định.

4. Quy trình quyết toán ngân sách xã hằng năm:

a) Ủy ban nhân dân xã lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã hằng năm (theo mẫu biểu số 07 đến mẫu biểu số 12 kèm theo Thông tư này) báo cáo Ban Kinh tế - Xã hội xã để thẩm tra, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã cho ý kiến trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, đồng thời gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện để tổng hợp. Thời gian gửi báo cáo quyết toán năm cho Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định;

b) Quyết toán chi ngân sách xã không được lớn hơn quyết toán thu ngân sách xã. Kết dư ngân sách xã là số chênh lệch lớn hơn giữa số thực thu và số thực chi ngân sách xã. Toàn bộ kết dư ngân sách năm trước (nếu có) được chuyển vào thu ngân sách năm sau;

c) Sau khi Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, báo cáo quyết toán được lập thành 05 bản để gửi cho Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (để làm thủ tục ghi thu kết dư ngân sách), lưu bộ phận tài chính, kế toán xã;

d) Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện có trách nhiệm thẩm định báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã, trường hợp có sai sót phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Hội đồng nhân dân xã điều chỉnh.

Điều 14. Kiểm tra, giám sát, công khai hoạt động ngân sách xã

1. Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện thu, chi ngân sách xã.

2. Cơ quan tài chính cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn công tác quản lý ngân sách xã.

3. Giám sát ngân sách của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

4. Công khai tài chính - ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã thực hiện theo quy định tại các thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước.

Mục 3

Tổ chức quản lý các hoạt động tài chính khác của xã

Điều 15. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của xã

1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của xã quy định tại Thông tư này là các quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và các khoản đóng góp trên nguyên tắc tự nguyện của nhân dân do thôn, bản huy động đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định nhưng không đưa vào ngân sách xã theo chế độ quy định. Nội dung, mức và phương thức quản lý thu, chi quỹ thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng quỹ và quy định của Hội đồng nhân dân xã.

2. Bộ phận tài chính, kế toán xã có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân xã quản lý các quỹ trên (thực hiện thu, chi, mở sổ theo dõi riêng; tổ chức hạch toán, quyết toán riêng từng quỹ; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định,...). Kinh phí của các quỹ chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau.

3. Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả hoạt động hằng năm của từng quỹ cho Hội đồng nhân dân xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

Điều 16. Tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã

1. Tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã bao gồm các khoản thu, chi phát sinh từ các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, văn hoá thông tin, thể dục thể thao, các hoạt động quản lý đò, chợ, đầm, hồ, ao, đất đai, tài nguyên, bến bãi và các hoạt động sự nghiệp khác do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp đứng ra tổ chức và quản lý theo chế độ quy định.

2. Tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã được tổ chức quản lý thống nhất theo nguyên tắc:

a) Ủy ban nhân dân xã giao cho các bộ phận, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình của xã trực tiếp thực hiện từng loại hoạt động sự nghiệp. Các bộ phận, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được Ủy ban nhân dân xã giao phải lập kế hoạch tài chính hằng năm, tính toán đầy đủ các khoản thu, các khoản chi; số phải nộp ngân sách xã hoặc số hỗ trợ từ ngân sách xã theo chế độ quy định (nếu có) trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt để thực hiện. Ủy ban nhân dân xã có nhiệm vụ tổng hợp báo cáo kế hoạch tài chính và kết quả tài chính hằng năm của từng hoạt động sự nghiệp trình Hội đồng nhân dân xã. Hội đồng nhân dân xã giám sát các hoạt động sự nghiệp này;

b) Bộ phận tài chính, kế toán xã giúp Ủy ban nhân dân xã quản lý tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được giao thực hiện các hoạt động sự nghiệp trong việc tổ chức hạch toán và quyết toán thu, chi; thực hiện chế độ báo cáo tài chính phù hợp với từng hoạt động, kiểm tra thường xuyên và đột xuất tình hình tài chính của các hoạt động này.

Điều 17. Các hoạt động tài chính của thôn, bản

1. Các khoản đóng góp trên nguyên tắc tự nguyện của nhân dân để sử dụng vào các mục đích cụ thể phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng thôn, bản do thôn, bản trực tiếp huy động và không đưa vào ngân sách xã.

2. Việc huy động chỉ được thực hiện sau khi có sự thống nhất, tự nguyện của nhân dân về chủ trương, mức huy động và phải báo cáo Ủy ban nhân dân xã. Ủy ban nhân dân xã phải hướng dẫn thôn, bản mở sổ sách ghi chép đầy đủ, cụ thể các khoản thu, chi và công khai với nhân dân kết quả huy động, sử dụng các nguồn tài chính trên. Khoản huy động chỉ được sử dụng cho đúng nội dung công việc cụ thể mà nhân dân đã thống nhất. Trường hợp tiền huy động chưa sử dụng, thôn, bản có thể nhờ xã gửi vào tài khoản tiền gửi của xã tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng hợp pháp. Được nhân dân trong thôn thống nhất, thôn có thể gửi tiền huy động chưa sử dụng vào tài khoản tiền gửi của thôn mở tại ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng. Bộ phận tài chính, kế toán xã có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn, kiểm tra (khi cần thiết) về tài chính đối với hoạt động tài chính thôn, bản.

Điều 18. Các hoạt động tài chính khác của xã

1. Hoạt động tài chính ngoài ngân sách của các tổ chức Đảng, đoàn thể được quản lý theo điều lệ của từng tổ chức, không đưa vào ngân sách xã và không thuộc các hoạt động tài chính khác của Ủy ban nhân dân xã. Các tổ chức Đảng, đoàn thể ở xã phải cử người mở sổ sách theo dõi cụ thể từng khoản thu, chi; tự tổ chức thu, chi và thực hiện chế độ báo cáo, công khai tài chính theo quy định của từng tổ chức.

2. Các khoản được ủy thác thu hộ, chi hộ: gồm các khoản thu, chi thuộc nhiệm vụ do các tổ chức, cơ quan khác ủy thác xã thu hộ, chi hộ. Bộ phận tài chính, kế toán xã giúp Ủy ban nhân dân xã thực hiện các khoản được ủy thác thu hộ, chi hộ theo chế độ quy định, mở sổ sách theo dõi riêng từng khoản và không được thực hiện thu, chi ngoài phạm vi được ủy thác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Căn cứ vào quy định của Thông tư này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết cho phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương, đồng thời chỉ đạo cơ quan tài chính cấp tỉnh, chính quyền và cơ quan tài chính cấp huyện tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý ngân sách và quản lý các hoạt động tài chính khác của xã; giải quyết, xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện của xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải bố trí đủ cán bộ đã được đào tạo theo tiêu chuẩn để quản lý tài chính - ngân sách xã, đồng thời thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã để bảo đảm đủ năng lực quản lý tài chính - ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Việc tuyển chọn và thay thế cán bộ đối với chức danh của bộ phận tài chính, kế toán xã thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có kế hoạch cụ thể từng bước củng cố bộ phận tài chính, kế toán của các xã để thực hiện tốt chức năng giúp Ủy ban nhân dân xã quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã theo chế độ quy định. Chức danh và số lượng cán bộ của bộ phận tài chính, kế toán xã căn cứ vào khối lượng công việc, quy mô thu, chi và định biên được Chính phủ quy định.

Điều 20. Bộ phận tài chính, kế toán xã và trách nhiệm của bộ phận tài chính, kế toán xã

1. Phụ trách kế toán phải là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tối thiểu trung cấp tài chính kế toán. Người phụ trách kế toán có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quản lý hoạt động thu, chi ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã; thực hiện công tác lập dự toán, phân bổ, chấp hành, kế toán, quyết toán ngân sách xã và các quỹ của xã.

2. Thủ quỹ có nhiệm vụ quản lý quỹ tiền mặt của xã (đối với xã có quy mô thu chi nhỏ có thể sử dụng cán bộ kiêm nhiệm, nhưng cán bộ kế toán xã không được kiêm nhiệm thủ quỹ).

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với quyết toán ngân sách năm 2016, áp dụng theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi

hành Luật ngân sách nhà nước, Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã, phường, thị trấn.

3. Trong quá trình thực hiện:

a) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì sẽ áp dụng theo văn bản mới đó.

b) Trường hợp có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./. *✓*

Nơi nhận: *✓*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ NSNN.



Huỳnh Quang Hải

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

| Phụ lục | Nội dung |
|----------------|---|
| Mẫu biểu số 01 | Biểu cân đối tổng hợp dự toán ngân sách xã |
| Mẫu biểu số 02 | Tổng hợp dự toán thu ngân sách xã |
| Mẫu biểu số 03 | Tổng hợp dự toán chi ngân sách xã |
| Mẫu biểu số 04 | Dự toán chi đầu tư phát triển |
| Mẫu biểu số 05 | Biểu tổng hợp kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác |
| Mẫu biểu số 06 | Phân bổ dự toán chi ngân sách |
| Mẫu biểu số 07 | Biểu cân đối quyết toán ngân sách xã |
| Mẫu biểu số 08 | Tổng hợp quyết toán thu ngân sách xã |
| Mẫu biểu số 09 | Tổng hợp quyết toán chi ngân sách xã |
| Mẫu biểu số 10 | Quyết toán thu ngân sách xã theo mục lục NSNN |
| Mẫu biểu số 11 | Quyết toán chi ngân sách xã theo mục lục NSNN |
| Mẫu biểu số 12 | Quyết toán chi đầu tư phát triển |
| Mẫu biểu số 13 | Biểu tổng hợp thực hiện thu, chi các hoạt động tài chính khác |
| Mẫu biểu số 14 | Bảng kê chứng từ chi |
| Mẫu biểu số 15 | Bảng kê chi ngân sách |
| Mẫu biểu số 16 | Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng |

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Mẫu biểu số 01

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

| Nội dung thu | Dự toán | Nội dung chi | Dự toán |
|---|---------|--------------------------|---------|
| Tổng số thu | | Tổng số chi | |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100% | | I. Chi đầu tư phát triển | |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾ | | II. Chi thường xuyên | |
| III. Thu bổ sung | | III. Dự phòng | |
| - Bổ sung cân đối ngân sách | | | |
| - Bổ sung có mục tiêu | | | |
| IV. Thu chuyển nguồn | | | |

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm

TM.UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
 Huyện (quận, thị xã, TP).....
 Xã (phường, thị trấn).....

Mẫu biểu số 02

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

| Nội dung | Ước thực hiện năm n-1 | | Dự toán năm n | | So sánh (%) | |
|---|-----------------------|---------|---------------|---------|-------------|---------|
| | Thu NSNN | Thu NSX | Thu NSNN | Thu NSX | Thu NSNN | Thu NSX |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 3/1 | 6 = 4/2 |
| Tổng số thu | | | | | | |
| I. Các khoản thu 100% | | | | | | |
| - Phí, lệ phí | | | | | | |
| - Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | | | | | | |
| - Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| - Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | | | | | | |
| - Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định | | | | | | |
| - Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | | | | |
| - Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | | | | | | |
| - Thu khác | | | | | | |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | | | | | | |
| 1. Các khoản thu phân chia | | | | | | |
| - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | | | | | | |
| - Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | | | | | | |
| - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | | | | | | |
| - Lệ phí trước bạ nhà, đất | | | | | | |
| 2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định | | | | | | |
| - | | | | | | |
| - | | | | | | |
| | | | | | | |
| III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | | | | | |
| IV. Thu chuyển nguồn | | | | | | |
| V. Thu kết dư ngân sách năm trước | | | | | | |
| VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | | | | | | |
| - Bổ sung cân đối ngân sách | | | | | | |
| - Bổ sung có mục tiêu | | | | | | |

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm
 TM.UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
 (ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
 Huyện (quận, thị xã, TP).....
 Xã (phường, thị trấn).....

Mẫu biểu số 03

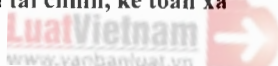
TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

| Nội dung | Dự toán năm n-1 | | | Dự toán năm n | | | So sánh (%) | | |
|---|-----------------|------|----|---------------|------|----|-------------|-------|--------|
| | Tổng số | ĐTPT | TX | Tổng số | ĐTPT | TX | Tổng số | ĐTPT | TX |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=5/2 | 9=6/3 | 10=7/4 |
| Tổng số chi | | | | | | | | | |
| 1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội | | | | | | | | | |
| - Chi dân quân tự vệ | | | | | | | | | |
| - Chi trật tự an toàn xã hội | | | | | | | | | |
| 2. Chi giáo dục | | | | | | | | | |
| 3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | | | | | | | | | |
| 4. Chi y tế | | | | | | | | | |
| 5. Chi văn hoá, thông tin | | | | | | | | | |
| 6. Chi phát thanh, truyền thanh | | | | | | | | | |
| 7. Chi thể dục, thể thao | | | | | | | | | |
| 8. Chi bảo vệ môi trường | | | | | | | | | |
| 9. Chi các hoạt động kinh tế | | | | | | | | | |
| - Giao thông | | | | | | | | | |
| - Nông - lâm - thủy lợi - hải sản | | | | | | | | | |
| - Thị chính | | | | | | | | | |
| - Thương mại, du lịch | | | | | | | | | |
| - Các hoạt động kinh tế khác | | | | | | | | | |
| 10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | | | | | | | | | |
| <i>Trong đó: Quỹ lương</i> | | | | | | | | | |
| 10.1. Quản lý Nhà nước | | | | | | | | | |
| 10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam | | | | | | | | | |
| 10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | | | | | | | | | |
| 10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM | | | | | | | | | |
| 10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ | | | | | | | | | |
| 10.6. Hội Cựu chiến binh | | | | | | | | | |
| 10.7. Hội Nông dân | | | | | | | | | |
| 10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có) | | | | | | | | | |
| 11. Chi cho công tác xã hội | | | | | | | | | |
| - Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác | | | | | | | | | |
| - Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa | | | | | | | | | |
| - Trợ cấp xã hội | | | | | | | | | |
| - Khác | | | | | | | | | |
| 12. Chi khác | | | | | | | | | |
| 13. Dự phòng | | | | | | | | | |

Bộ phận tài chính, kế toán xã



Ngày tháng năm

TM.UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
 Huyện (quận, thị xã, TP).....
 Xã (phường, thị trấn).....

Mẫu biểu số 04

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ⁽¹⁾ NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

| Tên công trình | Thời gian KC-HT | Tổng dự toán được duyệt | | Giá trị thực hiện đến 31/12/... | Giá trị đã thanh toán đến 31/12/... | Dự toán năm.... | | | |
|--------------------------------|-----------------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|-----------------|--|-------------------------|----------------|
| | | Tổng số | Trong đó nguồn đóng góp của dân | | | Tổng số | Trong đó thanh toán khối lượng năm trước | Chia theo nguồn vốn | |
| | | | | | | | | Nguồn cân đối ngân sách | Nguồn đóng góp |
| TỔNG SỐ | | | | | | | | | |
| 1. Công trình chuyển tiếp | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |
| Trong đó: hoàn thành trong năm | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |
| 2. Công trình khởi công mới | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |
| Trong đó: hoàn thành trong năm | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của cấp tỉnh

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm
TM.UBND xã, phường; thị trấn
Chủ tịch
 (ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Mẫu biểu số 05

BIỂU TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

| Nội dung | Ước thực hiện năm n-1 | | | Kế hoạch năm n | | |
|---|-----------------------|-----|--------------------|----------------|-----|--------------------|
| | Thu | Chi | Chênh lệch (+) (-) | Thu | Chi | Chênh lệch (+) (-) |
| Tổng số | | | | | | |
| 1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách | | | | | | |
| - | | | | | | |
| 2. Các hoạt động sự nghiệp | | | | | | |
| + Chợ | | | | | | |
| + Bến bãi | | | | | | |
| + | | | | | | |
| + | | | | | | |
| | | | | | | |

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm
TM.UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....

Mẫu biểu số 06

Huyện (quận, thị xã, TP).....

Xã (phường, thị trấn).....

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

| Chương | Loại | Khoản | Diễn giải | Dự toán |
|--------|------|-------|-----------|---------|
| | | | | |

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số):

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ):

Ngày tháng năm

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM.UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Mẫu biểu số 07

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

| Nội dung thu | Quyết toán | Nội dung chi | Quyết toán |
|--|------------|--|------------|
| Tổng số thu I. Các khoản thu xã hưởng 100% II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾ III. Thu bổ sung - Bổ sung cân đối ngân sách - Bổ sung có mục tiêu IV. Thu kết dư ngân sách năm trước V. Thu viện trợ VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có) | | Tổng số chi I. Chi đầu tư phát triển II. Chi thường xuyên III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có) IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên | |
| Kết dư ngân sách | | | |

Ghi chú : (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm
TM.UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....

Mẫu biểu số 08

Huyện (quận, thị xã, TP).....

Xã (phường, thị trấn).....

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Dự toán | | Quyết toán | | So sánh (%) | |
|---|----------|---------|------------|---------|-------------|---------|
| | Thu NSNN | Thu NSX | Thu NSNN | Thu NSX | Thu NSNN | Thu NSX |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 3/1 | 6 = 4/2 |
| Tổng thu | | | | | | |
| I. Các khoản thu 100% | | | | | | |
| - Phí, lệ phí | | | | | | |
| - Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | | | | | | |
| - Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | | | | | |
| - Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | | | | | | |
| - Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định | | | | | | |
| - Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | | | | |
| - Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | | | | | | |
| - Thu khác | | | | | | |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | | | | | | |
| 1. Các khoản thu phân chia | | | | | | |
| - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | | | | | | |
| - Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | | | | | | |
| - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | | | | | | |
| - Lệ phí trước bạ nhà, đất | | | | | | |
| 2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định | | | | | | |
| - | | | | | | |
| - | | | | | | |
| | | | | | | |
| III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | | | | | |
| IV. Thu chuyển nguồn | | | | | | |
| V. Thu kết dư ngân sách năm trước | | | | | | |
| VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | | | | | | |
| - Bổ sung cân đối ngân sách | | | | | | |
| - Bổ sung có mục tiêu | | | | | | |

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm
TM.UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
 Huyện (quận, thị xã, TP).....
 Xã (phường, thị trấn).....

Mẫu biểu số 09

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Dự toán | | | Quyết toán | | | So sánh (%) | | |
|---|---------|------|----|------------|------|----|-------------|-------|--------|
| | Tổng số | ĐTPT | TX | Tổng số | ĐTPT | TX | Tổng số | ĐTPT | TX |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=5/2 | 9=6/3 | 10=7/4 |
| Tổng chi | | | | | | | | | |
| 1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội | | | | | | | | | |
| - Chi dân quân tự vệ | | | | | | | | | |
| - Chi trật tự an toàn xã hội | | | | | | | | | |
| 2. Chi giáo dục | | | | | | | | | |
| 3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | | | | | | | | | |
| 4. Chi y tế | | | | | | | | | |
| 5. Chi văn hoá, thông tin | | | | | | | | | |
| 6. Chi phát thanh, truyền thanh | | | | | | | | | |
| 7. Chi thể dục, thể thao | | | | | | | | | |
| 8. Chi bảo vệ môi trường | | | | | | | | | |
| 9. Chi các hoạt động kinh tế | | | | | | | | | |
| - Giao thông | | | | | | | | | |
| - Nông - lâm - thủy lợi - hải sản | | | | | | | | | |
| - Thị chính | | | | | | | | | |
| - Thương mại, du lịch | | | | | | | | | |
| - Các hoạt động kinh tế khác | | | | | | | | | |
| 10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | | | | | | | | | |
| <i>Trong đó: Quỹ lương</i> | | | | | | | | | |
| 10.1. Quản lý Nhà nước | | | | | | | | | |
| 10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam | | | | | | | | | |
| 10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | | | | | | | | | |
| 10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM | | | | | | | | | |
| 10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ | | | | | | | | | |
| 10.6. Hội Cựu chiến binh | | | | | | | | | |
| 10.7. Hội Nông dân | | | | | | | | | |
| 10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có) | | | | | | | | | |
| 11. Chi cho công tác xã hội | | | | | | | | | |
| - Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác | | | | | | | | | |
| - Trè mồ côi, người già không nơi nương tựa | | | | | | | | | |
| - Trợ cấp xã hội | | | | | | | | | |
| - Khác | | | | | | | | | |
| 12. Chi khác | | | | | | | | | |
| 13. Dự phòng | | | | | | | | | |
| 14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau | | | | | | | | | |

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm
 TM.UBND xã, phường, thị trấn
 Chủ tịch
 (ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....

Mẫu biểu số 10

Huyện (quận, thị xã, TP).....

Xã (phường, thị trấn).....

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ THEO MỤC LỤC NSNN NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

| Chương | Mục | Tiểu mục | Diễn giải | Quyết toán |
|--------|-----|----------|-----------|------------|
| | | | | |

Tổng quyết toán thu ngân sách xã (bằng số):

Tổng quyết toán thu ngân sách xã (bằng chữ):

Ngày tháng năm

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM.UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
Huyện (quận, thị xã, TP).....
Xã (phường, thị trấn).....

Mẫu biểu số 11

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO MỤC LỤC NSNN NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

| Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Diễn giải | Quyết toán |
|--------|------|-------|-----|----------|-----------|------------|
| | | | | | | |

Tổng quyết toán chi ngân sách xã (bằng số):

Tổng quyết toán chi ngân sách xã (bằng chữ):

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm

TM.UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
 Huyện (quận, thị xã, TP).....
 Xã (phường, thị trấn).....

Mẫu biểu số 12

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

| Tên công trình | Thời gian KC-HT | Tổng dự toán được duyệt | | Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/... | Giá trị đã thanh toán năm ... | | | |
|--------------------------------|-----------------|-------------------------|-----------------------|--|-------------------------------|--|-------------------------|----------------|
| | | Tổng số | Tr.đó: Nguồn đóng góp | | Tổng số | Trong đó thanh toán khối lượng năm trước | Chia theo nguồn vốn | |
| | | | | | | | Nguồn cân đối ngân sách | Nguồn đóng góp |
| Tổng số | | | | | | | | |
| 1. Công trình chuyển tiếp | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | |
| Trong đó: hoàn thành trong năm | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | |
| 2. Công trình khởi công mới | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | |
| Trong đó: hoàn thành trong năm | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | |
| - | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của cấp tỉnh

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm
TM.UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
 (ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....

Mẫu biểu số 13

Huyện (quận, thị xã, TP).....

Xã (phường, thị trấn).....

BIỂU TỔNG HỢP

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM ...

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Kế hoạch năm n | | | Thực hiện năm n | | |
|---|----------------|-----|--------------------|-----------------|-----|--------------------|
| | Thu | Chi | Chênh lệch (+) (-) | Thu | Chi | Chênh lệch (+) (-) |
| Tổng số | | | | | | |
| 1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách | | | | | | |
| - | | | | | | |
| 2. Các hoạt động sự nghiệp | | | | | | |
| + Chợ | | | | | | |
| + Bến bãi | | | | | | |
| + | | | | | | |
| + | | | | | | |
| ... | | | | | | |

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm
TM.UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(ký tên và đóng dấu)

Tỉnh (TP).....
 Huyện (quận, thị xã, TP).....
 Xã (phường, thị trấn).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu biểu số 15

Niên độ:.....

BẢNG KÊ CHI NGÂN SÁCH

Số Ngàytháng.....năm.....

Kèm theo Giấy rút dự toán/Lệnh chi tiền số ngàytháng.....năm..... Mã số

| Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số tiền | Trong đó | |
|------------------------------|------|-------|-----|----------|------------------------|----------|--------------|
| | | | | | | Tiền mặt | Chuyên khoản |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Tổng số tiền (bằng chữ)..... | | | | | Tổng số tiền (bằng số) | | |
| | | | | | | | |

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm
Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn
 (ký tên đóng dấu)

Tỉnh (TP).....

Huyện (quận, thị xã, TP).....

Xã (phường, thị trấn).....

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG

Kính gửi: Kho bạc nhà nước

Đề nghị Kho bạc nhà nước thanh toán số tiền đã tạm ứng theo chi tiết dưới đây:

Table with 9 columns: Phần đã tạm ứng (Số Chứng từ chi tạm ứng, Số tiền tạm ứng), Số đề nghị thanh toán (C, L, K, M, TM), Số tiền đề nghị thanh toán, Số KBNN thanh toán.

Số tiền đề nghị thanh toán bằng chữ:

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Ngày tháng năm

Chủ tịch UBND xã (ký tên và đóng dấu)

Phần KBNN ghi

Nợ TK:.....

Có TK:.....

Đồng ý thanh toán cho đơn vị số tiền:

Bằng chữ: Bằng số:.....

Kế toán viên

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm

Giám đốc KBNN